PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: đồng

TT	Địa phương	Kinh phí hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật										Kinh phí hỗ trợ cho người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật không hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật 06 tháng đầu năm	Nguồn kinh phí thực hiện	
		Tổng cộng	Tổng hợp thiệt hại do dịch bệnh ở Trâu bò			Tổng hợp thiệt hại do dịch bệnh ở Lợn			Tổng hợp thiệt hại do dịch bệnh gia cầm			Tổng cộng	Số ngày công (ngày)		Kinh phí hỗ trợ (đồng)			Trong đó	
			Số lượng mắc bệnh, chết (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng) Mức hỗ trợ: 50.000đ/kg	Số lượng mắc bệnh, chết (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng) Mức hỗ trợ: 40.000đ/kg	Số lượng gà, vịt mắc bệnh, chết (con)	Trọng lượng tiêu hủy (Kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng) Mức hỗ trợ: 35.000đ/kg		Trong đó		Trong đó				Ngân sách trung ương (Nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (Nguồn ngân sách cấp xã)
													Ngày thường	Ngày nghỉ, lễ, tết	Ngày thường (400.000 đồng/ngày)	Ngày nghỉ, lễ, tết (500.000 đồng/ngày)			
1	Sơn Tây Thượng	171.920.000	-	-	-	86	4.298	171.920.000			-	6.000.000	5	8	2.000.000	4.000.000	177.920.000	53.376.000	124.544.000
2	Bình Sơn	32.050.000	4	641	32.050.000	-	-	-	-	-	-	4.850.000	9	2,5	3.600.000	1.250.000	36.900.000	11.070.000	25.830.000
3	Đông Trà Bồng	111.980.000	10	778	38.900.000	50	1.827	73.080.000	-	-	-	11.000.000	28	0	11.000.000	0	122.980.000	36.894.000	86.086.000
4	Sơn Tịnh	127.200.000	-	-	-	38	3.180	127.200.000			-	5.300.000	12	1	4.800.000	500.000	132.500.000	39.750.000	92.750.000
5	Nguyễn Nghiêm	68.040.000	2	350	17.500.000	-	-	-	760	1.444	50.540.000	6.800.000	17	0	6.800.000	0	74.840.000	22.452.000	52.388.000
6	Trường Giang	259.265.000	1	108	5.400.000	48	2.571	102.840.000	2.790	4.315	151.025.000	25.600.000	64	0	25.600.000	0	284.865.000	85.459.500	199.405.500
7	Bình Minh	4.650.000	2	93	4.650.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	4.650.000	1.395.000	3.255.000
8	Đức Phổ	9.000.000	1	180	9.000.000	-	-	-	-	-	-	1.200.000	3	0	1.200.000	0	10.200.000	3.060.000	7.140.000
9	Trương Quang Trọng	215.100.000	-	-	-	92	5.377,5	215.100.000	-	-	-	3.900.000	9	1	3.400.000	500.000	219.000.000	65.700.000	153.300.000
10	Tịnh Khê	5.900.000	1	118	5.900.000	-	-	-	-	-	-	2.000.000	5	0	2.000.000	0	7.900.000	2.370.000	5.530.000
11	Sa Loong	61.080.000	-	-	-	44	1.527	61.080.000	-	-	-	1.000.000	3	0	1.000.000	0	62.080.000	18.624.000	43.456.000
12	Đặng Thùy Trâm	4.640.000	-	-	-	3	116	4.640.000	-	-	-	800.000	2	0	800.000	0	5.440.000	1.632.000	3.808.000
13	Nghĩa Giang	21.750.000	3	435	21.750.000	-	-	-	-	-	-	3.900.000	6	3	2.400.000	1.500.000	25.650.000	7.695.000	17.955.000
14	Minh Long	4.800.000	-	-	-	3	120	4.800.000	-	-	-	200.000	1	0	200.000	0	5.000.000	1.500.000	3.500.000
15	An Phú	10.400.000	2	208	10.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	10.400.000	3.120.000	7.280.000
16	Đăk Hà	36.080.000	-	-	-	8	902	36.080.000	-	-	-	6.100.000	9	5	3.600.000	2.500.000	42.180.000	12.654.000	29.526.000
17	Trà Câu	50.880.000	-	-	-	29	1.272	50.880.000	-	-	-	4.400.000	11	0	4.400.000	0	55.280.000	16.584.000	38.696.000
18	Ba Tô	15.040.000	-	-	-	15	376	15.040.000	-	-	-	1.000.000	-	2	0	1.000.000	16.040.000	4.812.000	11.228.000
19	Đăk Pék	58.040.000	-	-	-	11	1.451	58.040.000	-	-	-	2.000.000	5	0	2.000.000	0	60.040.000	18.012.000	42.028.000
20	Sa Thầy	70.200.000	-	-	-	11	1.755	70.200.000	-	-	-	-	-	0	0	0	70.200.000	21.060.000	49.140.000
21	Ba Vinh	19.120.000	-	-	-	8	478	19.120.000	-	-	-	-	-	0	0	0	19.120.000	5.736.000	13.384.000
22	Ba Gia	306.969.500	2	651	32.550.000	51	3.730	149.200.000	1.883	3.577,7	125.219.500	5.800.000	12	2	4.800.000	1.000.000	312.769.500	93.830.850	218.938.650
23	Bình Chương	21.250.000	2	425	21.250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	0	21.250.000	6.375.000	14.875.000
24	Đăk Uì	15.260.000	1	110	5.500.000	2	244	9.760.000	-	-	-	3.600.000	9	0	3.600.000	0	18.860.000	5.658.000	13.202.000
25	Sơn Linh	37.200.000	-	-	-	30	930	37.200.000	-	-	-	2.000.000	-	4	0	2.000.000	39.200.000	11.760.000	27.440.000
26	Sơn Mai	127.520.000	-	-	-	52	3.188	127.520.000	-	-	-	4.000.000	10	0	4.000.000	0	131.520.000	39.456.000	92.064.000
27	Sơn Tây	48.560.000	-	-	-	50	1.214	48.560.000	-	-	-	4.400.000	11	0	4.400.000	0	52.960.000	15.888.000	37.072.000
	Tổng	**1.913.894.500**	**31**	**4.097**	**204.850.000**	**631**	**34.556,5**	**1.382.260.000**	**5.433**	**9.336,7**	**326.784.500**	**105.850.000**	**229**	**29**	**91.600.000**	**14.250.000**	**2.019.744.500**	**605.923.350**	**1.413.821.150**